TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚC THỌ, TP. HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 03/2023/DSST
Ngày 10 - 02- 2023
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và đòi tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Loan
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Sơn
Bà Nguyễn Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội: Bà Khuất Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 64/2022/TLST - DS ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và đòi tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST- DS ngày 19/01/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị X**, sinh năm 1983
Địa chỉ: Thôn ĐT, xã Đ Th, huyện Đ, Hà Nội
Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Q,** sinh năm 1980
Địa chỉ: Xóm Tr, thôn Y, xã H, huyện P, TP Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*/ Theo đơn khởi kiện và các bản khai của các đương sự, vụ án có nội dung như sau:

Chị Nguyễn Thị X và chị Nguyễn Thị Q có quan hệ họ hàng. Do có mối quan hệ họ hàng thân thiết và tin tưởng nên khi chị Q hỏi vay tiền, chị X đồng ý cho chị Q vay 2 lần. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Chị X cho chị Q vay 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng) vào ngày 01/3/2012, không thỏa thuận lãi suất mà nói miệng là tùy, trả lãi thế nào thì trả. Hai bên có làm "Hợp đồng cho vay tiền", hẹn đến ngày 01/6/2012 sẽ trả cả gốc lẫn lãi.

Lần thứ hai: Chị X cho chị Q vay 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) vào ngày 11/4/2012, không thỏa thuận lãi suất. Chị Q có viết "Giấy vay tiền" không hẹn ngày trả.

Khi vay thì chị Q nói là có việc đang cần trả nợ chỗ khác và cần gấp. Do tin tưởng nên chị X cũng đi vay hộ chứ tiền cho vay không phải là tiền của chị X.

Tuy nhiên, đến hẹn, chị Q không trả tiền gốc và cũng không trả đồng tiền lãi nào.

Từ đó đến nay, chị X đã đến nhà chị Q đòi nợ rất nhiều lần, việc này chồng con chị Q đều biết. Nhưng chị Q vẫn khất lần không trả.

Do vậy, chị X khởi kiện, yêu cầu chị Q phải trả số tiền gốc là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và 50.000.000đ tiền lãi. Số tiền lãi 50.000.000đ là tính trên số tiền 90.000.000đ gốc từ ngày 11/4/2012 đến nay theo mức lãi suất ngân hàng là 0,4%/tháng.

Chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Chị và chị X có quan hệ họ hàng. Mẹ đẻ chị X cùng ở xã H và ở gần nhà mẹ đẻ của chị. Hai bên có quan hệ họ hàng.

Năm 2012, do chị vướng vào tệ nạn lô đề cờ bạc, chị X khi đó là người ghi lô đề. Chị có chơi lô đề và ghi đề ở chỗ chị X. Vì chị không có tiền trả trực tiếp nên chị X cứ ghi nợ hàng ngày. Số ngày nợ và số tiền nợ lô đề cụ thể thì chị không nhớ được. Có khi chị thua nhiều quá, chị X bảo đi vay lãi hộ cho chị, chị đồng ý nhờ chị X đi vay lãi hộ. Nhưng sau chị không trả được cả lãi nên nợ lãi bị tính vào tiền gốc. Vì vậy, số tiền nợ nhiều quá thì chị X yêu cầu chị viết giấy nhận nợ. Chị xác nhận 02 giấy nhận nợ mà chị X xuất trình tại Tòa án đúng là chữ chị viết và ký. Cụ thể:

- 01 Hợp đồng cho vay tiền ghi ngày 01/3/2012, số tiền nợ là 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng), hẹn đến 01/6/2012 sẽ trả. Hợp đồng không thỏa thuận gì về lãi và chị cũng chưa trả được đồng tiền lãi nào.

- 01 Giấy vay tiền ghi ngày 11/4/2012, số tiền nợ là 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) không hẹn ngày trả, không thỏa thuận lãi suất, chị cũng chưa trả được đồng tiền lãi nào.

Tổng hai khoản nợ là 300.000.000đ.

Chị xác định đây là tiền chị nợ chị X do chơi lô đề chứ không phải tiền vay. Chồng con chị cũng không hay biết gì về món nợ này. Tuy nhiên chị không có chứng cứ gì để chứng minh khoản nợ này là tiền chơi lô đề.

Chị xác định đã được Thẩm phán giải thích quy định của pháp luật, chị có quyền và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh số tiền nợ trên là tiền chơi lô đề. Nếu chị không chứng minh được thì phải chịu trách nhiệm trả số tiền đó cho chị X.

Nay chị X khởi kiện yêu cầu chị trả số tiền gốc là 300.000.000đ và tiền lãi là 50.000.000đ. Chị xin Tòa án hòa giải để chị X cho chị thời gian để chị trả dần. Nếu chị X không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị X giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX buộc chị Q phải trả cho chị số tiền gốc đã vay là 300.000.000 đồng và tiền lãi của 90.000.000đ tính từ ngày 11/4/2012 đến nay là 50.000.000đ.

Chị Q khẳng định khoản nợ này là có thật, 02 giấy vay nợ này chính tay chị viết trong tình trạng hoàn toàn tự nguyện nhưng là tiền nợ do chơi lô đề chứ không phải tiền vay, song chị không có tài liệu chứng cứ nào để chứng minh khoản tiền này là nợ do chơi lô đề. Chị xin được trả dần vì không có khả năng trả ngay một lần.

*/ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Việc xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, tống đạt văn bản tố tụng đều đảm bảo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về yêu cầu khởi kiện: Áp dụng các Điều 463; 465; 466, 468, 469 và Điều 470 của Bộ Luật dân sự, Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X: Buộc chị Nguyễn Thị Q phải trả cho chị Nguyễn Thị X số tiền gốc là 300.000.000đ *(Ba trăm triệu đồng)* và tiền lãi của 90.000.000đ tính từ ngày 11/4/2012 đến nay là 50.000.000đ.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Nguyễn Thị X.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị X khởi kiện chị Nguyễn Thị Q có hộ khẩu thường trú tại thôn Y, xã H, huyện P, Thành phố Hà Nội yêu cầu chị Q trả khoản tiền 300.000.000đ tiền gốc và tiền lãi của 90.000.000đ tính từ ngày 11/4/2012 đến nay là 50.000.000đ. Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản giữa hai cá nhân nên Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý vụ án về tranh chấp dân sự là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị X yêu cầu chị Q trả khoản tiền 300.000.000đ và tiền lãi của 90.000.000đ tính từ ngày 11/4/2012 đến nay là 50.000.000đ theo 02 giấy nhận nợ.

Chị Q thừa nhận khoản nợ gốc 300.000.000đ này là có thật, song đây không phải là tiền vay mà là nợ do chơi lô đề, cờ bạc. Tuy nhiên chị Q đã được Tòa án giải thích nhiều lần về việc chị Q có quyền và nghĩa vụ chứng minh khoản nợ đó là tiền nợ do chơi lô đề nhưng

từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, chị Q vẫn không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh điều đó. Do vậy, HĐXX xác định khoản vay 300.000.000đ này là có thật và chị Q phải có trách nhiệm trả số tiền này cho chị X.

Đối với giấy nhận nợ thứ nhất: "Hợp đồng cho vay tiền" ghi ngày 1/3/2012, số tiền nợ là 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng), hẹn đến 1/6/2012 sẽ trả. Hợp đồng không thỏa thuận gì về lãi và chị Q chưa trả được đồng tiền lãi nào.

Đây là hợp đồng vay tiền có kỳ hạn. Hợp đồng này đã hết thời hiệu theo Điều 429 của Bộ luật dân sự nên yêu cầu này là yêu cầu đòi tài sản, HĐXX chỉ xem xét đối với số tiền nợ gốc, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với giấy nhận nợ thứ hai: "Giấy vay tiền" ghi ngày 11/4/2012, số tiền nợ là 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) không hẹn ngày trả, không thỏa thuận lãi suất, chị Q chưa trả được đồng tiền lãi nào.

Đây là hợp đồng vay tiền không có kỳ hạn, do vậy không bị tính thời hiệu. Số tiền gốc mà chị X yêu cầu được chấp nhận.

Về yêu cầu tính lãi đối với số tiền 90.000.000đ này, chị X yêu cầu chị Q phải trả 50.000.000đ tiền lãi kể từ ngày vay là ngày 11/4/2012 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 10/2/2023, tổng cộng là 10 năm 9 tháng = 129 tháng, trung bình tiền lãi mỗi tháng là 387.600đ = 0,77%/tháng.

Xác định thời điểm chị Q vay tiền là ngày 11/4/2012, do vậy theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì cần tính lãi suất theo hai giai đoạn: Giai đoạn 1 tính từ ngày 11/4/2012 đến ngày 31/12/2016 (4 năm, 8 tháng, 20 ngày) áp dụng các quy định về lãi suất của Bộ luật dân sự năm 2005; Giai đoạn 2 từ ngày 01/01/2017 đến khi xét xử sơ thẩm là ngày 10/02/2023 (6 năm, 01 tháng) áp dụng các quy định về lãi suất của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: "Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng". Tại Quyết định số: 2868/QĐ – NHNN ngày 29/11/2010, Ngân hàng Nhà nước quy định mức lãi suất cơ bản là 9%/năm, như vậy việc chị Q yêu cầu tính lãi suất theo mức 0,77%/tháng là phù hợp quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, do vậy yêu cầu tính lãi của chị X được chấp nhận.

Tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác". Như vậy mức lãi suất chị X yêu cầu là 0,77%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Số tiền lãi chị X yêu cầu được chấp nhận là 50.000.000đ.

[3]. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị Nguyễn Thị X.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 471; 472; 473; 474; 476; 477, 478 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 429, 463; 465; 466, 468, 469 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015

- Căn cứ Điều 26, Điều 35; Điều 39, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Quyết định số: 2868/QĐ – NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X:

Buộc chị Nguyễn Thị Q phải trả cho chị Nguyễn Thị X số tiền gốc là 300.000.000đ *(Ba trăm triệu đồng)* và tiền lãi là 50.000.000đ *(năm mươi triệu đồng)*. Tổng cộng số tiền chị Q phải trả chị X là 350.000.000đ *(Ba trăm năm mươi triệu đồng)*.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu chị Nguyễn Thị Q không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức 20%/ năm, nếu các bên không thỏa thuận được thì mức lãi suất chậm trả được xác định là 20%/ năm.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 17.500.000đ *(Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị X số tiền 8.750.000đ (Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số: 0030212 ngày 05/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Minh Loan

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA